

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2017/02/19			Nguyen Thi Tuc Chi	Dong Khac Tu	0.5 ≤, ≤ 6 ± 0.1
△						6 <, ≤ 30 ± 0.2
△						30 <, ≤ 120 ± 0.3
△						120 <, ≤ 400 ± 0.5

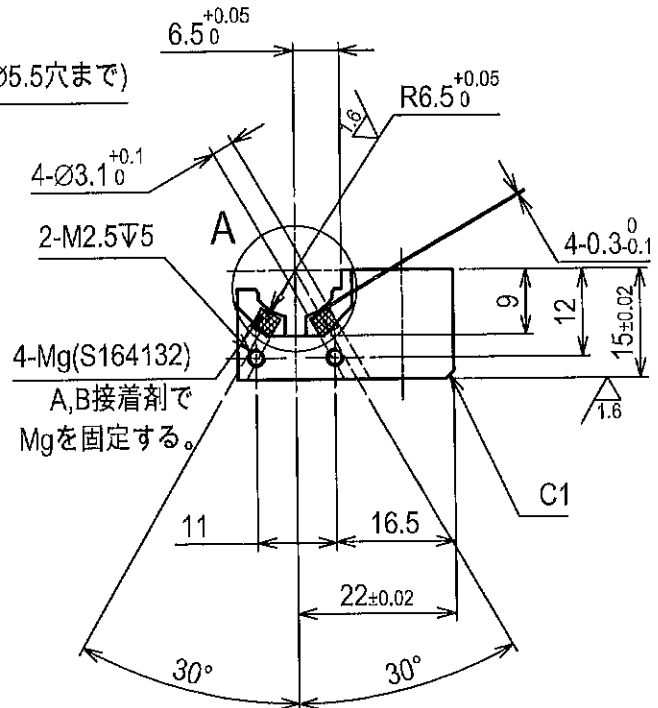
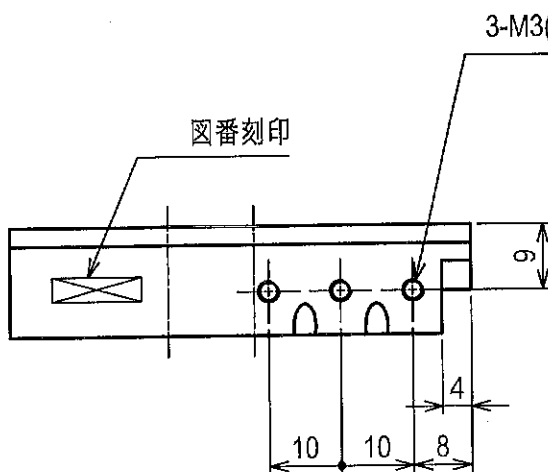
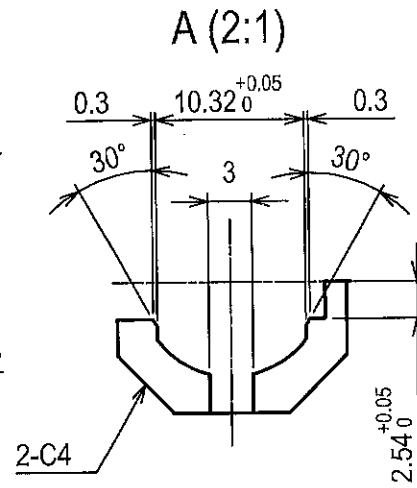
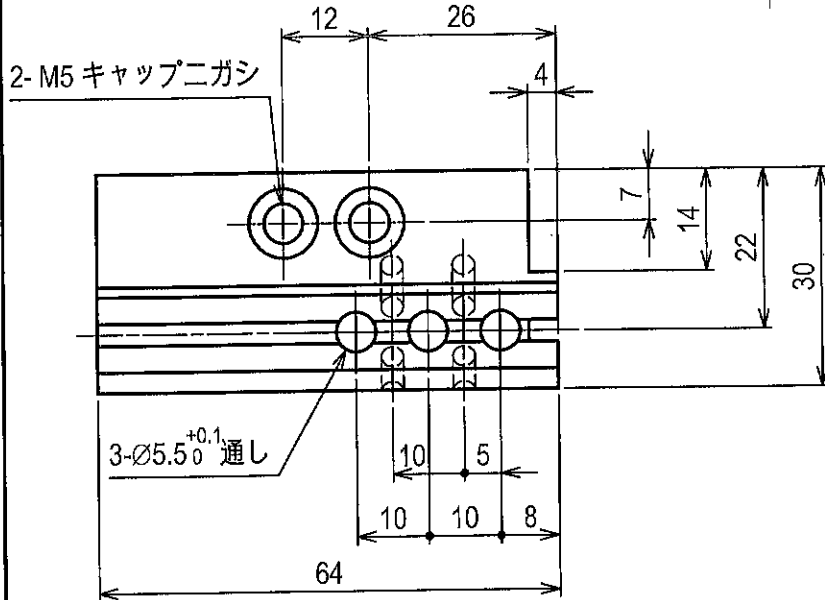
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS

6.3 / (1.6)

指示外C0.5

213.208.013B
2P



13-901XA 静电コーティング用

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Ngô_Van_Luat	Dong_Khac_Tu	部品図 PART DRAWING	ガイドホルダー GUIDE HOLDER
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	導件座
HRC 58° ~ 62°	SOB	部品図	導件座
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKS3	2017/02/19	1:1	R078638

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 208 0106

T32 x 74 x 28

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	